

## QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh theo định hướng ứng dụng của Trường ĐH Tài chính – Ngân hàng Hà Nội

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG HÀ NỘI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/06/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/05/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ;

Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 246a/QĐ-ĐHTNH-SĐH ngày 01/10/2016 của Hiệu trưởng Trường ĐH Tài chính – Ngân hàng HN về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và định đào tạo trình độ Thạc sĩ tại Trường ĐH Tài chính – Ngân hàng Hà Nội;

Xét đề nghị của các Ông/Bà Trưởng khoa Sau Đại học và Trưởng khoa QTKD,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh theo định hướng ứng dụng, mã ngành: 8340101 của Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng Hà Nội (Có Bản mô tả CTĐT, Chương trình dạy học, ĐCCT kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chương trình được áp dụng đối với học viên cao học từ khóa 4 - năm 2019.

**Điều 3.** Các Ông/Bà Trưởng khoa Sau Đại học, Trưởng các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./

#### Nơi nhân:

- Như điều 3;
- P.QLKH.;
- Lưu: VT, SĐH.



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Phạm Ngọc Ánh

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 46/QĐ-ĐHTNH ngày 14/03/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐH Tài chính – Ngân hàng Hà Nội)

Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt): Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh): Master of Business Administration

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Định hướng: Ứng dụng

Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh

Mã ngành: 8340101

Thời gian đào tạo: 24 tháng

Hình thức đào tạo: Chính quy

## 1. MỤC TIÊU

### 1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh theo định hướng ứng dụng nhằm đào tạo học viên có phẩm chất chính trị vững vàng, có trình độ chuyên môn cao, có kiến thức chuyên ngành sâu và rộng về quản trị kinh doanh đáp ứng nhu cầu của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế xã hội; đào tạo người học có năng lực nghiên cứu và khả năng sáng tạo, có kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo, có trách nhiệm nghề nghiệp và có khả năng thích nghi với môi trường làm việc đa dạng đáp ứng yêu cầu của xã hội trong quá trình hội nhập quốc tế và có khả năng tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

### 1.2. Mục tiêu cụ thể

**PSO1:** Trang bị cho học viên những kiến thức nâng cao về triết học, ngoại ngữ và phương pháp nghiên cứu nhằm phát hiện, giải quyết các vấn đề, tình huống phát sinh trong kinh doanh.

**PSO2:** Mở rộng, nâng cao và cập nhật cho học viên các kiến thức cơ sở đã được giảng dạy ở bậc đại học về quản trị kinh doanh

**PSO3:** Trang bị cho học viên các kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh để phân tích và giải quyết các vấn đề kinh thực tiễn của doanh nghiệp một cách hiệu quả.

**PSO4:** Nâng cao kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá đối với các vấn đề về kinh doanh và quản lý.

**PSO5:** Phát triển kỹ năng nghiên cứu độc lập của học viên đối với các vấn đề kinh doanh và quản lý đồng thời nâng cao kỹ năng mềm cần thiết cho công việc điều hành tổ chức.

**PSO6:** Kỹ năng sử dụng thành thạo ngoại ngữ chuyên ngành

**PSO7:** Xây dựng cho người học có phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, thực hiện trách nhiệm xã hội của tổ chức và kết hợp hài hòa các lợi ích của các bên.

**PSO8:** Tạo lập cho người học tự định hướng được khả năng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với sự thay đổi của môi trường làm việc, định hướng hoạt động chuyên môn phù hợp với pháp luật và thực tế; đề xuất ý kiến mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp, vấn đề mới phát sinh về chuyên môn, nghiệp vụ.

## **2. CHUẨN ĐẦU RA**

### **2.1. Về kiến thức**

**PLO1:** Vận dụng được thế giới quan và phương pháp luận khoa học, phương pháp tư duy logic trong nhận thức và thực tiễn.

**PLO2:** Cập nhật và nâng cao các kiến thức cơ sở, hiện đại của ngành và liên ngành liên quan làm nền tảng vững chắc cho việc vận dụng tiếp nhận và kiến tạo tốt kiến thức chuyên ngành QTKD.

**PLO3:** Tổng hợp tốt các kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh để xây dựng kế hoạch, chiến lược kinh doanh, tài chính, nhân sự cho doanh nghiệp và đưa ra được các quyết định quản trị đúng đắn.

### **2.2. Về kỹ năng**

**PLO4:** Áp dụng thành thạo các kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá đối với các vấn đề về kinh doanh và quản lý đặc biệt là những vấn đề về quản trị doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh có tính cạnh tranh cao và toàn cầu hóa để đưa ra các giải pháp xử lý có tính khoa học;

**PLO5:** Phối hợp các kỹ năng thu thập, xử lý thông tin cũng như kỹ năng nghiên cứu độc lập nhằm giải quyết các vấn đề thực tiễn trong doanh nghiệp

**PLO6:** Tích hợp các kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng ra quyết định, phát triển kỹ năng nghiên cứu độc lập và kỹ năng ứng dụng để giải quyết các vấn đề thực tiễn của nhà quản trị chuyên nghiệp và đề xuất những sáng kiến có giá trị.

**PLO7:** Thành thạo kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên sự am hiểu thực tiễn các vấn đề quản trị doanh nghiệp để thảo luận với người cùng ngành và những người khác.

**PLO8:** Sử dụng tiếng Anh thành thạo phục vụ tốt cho công việc và học tập, đạt chuẩn Tiếng Anh trình độ bậc 3/6 theo Khung năng lực 6 bậc dành cho Việt Nam (hoặc tương đương trở lên)

### **2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

**PLO9:** Xây dựng phẩm chất của một người công dân có đạo đức nghề nghiệp tốt, trung thực, có tinh thần tìm tòi, khám phá và phát hiện ra những vấn đề thực tiễn kinh doanh, có ý thức phục vụ cộng đồng.

**PLO10:** Nâng cao được ý thức trách nhiệm với xã hội và tuân thủ pháp luật, gương mẫu chấp hành nghiêm chỉnh chế độ làm việc trong tổ chức.

**PLO11:** Phát triển khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn.

## **3. CHUẨN ĐẦU VÀO**

Áp dụng theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng Hà ban hành theo quyết định số 246a/QĐ-ĐHTNH-QLĐT ngày 01/10/2016 của Hiệu trưởng Trường ĐHTC - Ngân hàng Hà Nội.

Đối tượng đào tạo trình độ thạc sĩ là công dân nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đáp ứng được các điều kiện sau:

### **3.1. Về văn bằng**

a. Đã tốt nghiệp đại học chuyên ngành đúng với ngành/chuyên ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ không phải học bổ sung kiến thức trước khi thi tuyển.

b. Đã tốt nghiệp đại học chuyên ngành gần, ngành khác với ngành/chuyên ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ (QTKD) phải học bổ sung kiến thức trước khi thi tuyển.

### **3.2. Về kinh nghiệm công tác chuyên môn và loại tốt nghiệp**

Những đối tượng hoàn thành chương trình đào tạo đại học chuyên ngành đúng, chuyên ngành phù hợp, chuyên ngành gần với ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ được phép dự tuyển ngay sau khi tốt nghiệp.

#### 4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA HỌC VIÊN SAU KHI TỐT NGHIỆP

Học viên theo học CTĐT thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh sau khi tốt nghiệp có thể đáp ứng các yêu cầu làm việc ở nhiều vị trí khác nhau như sau:

- Chuyên gia cao cấp quản lý điều hành một số mảng chuyên môn, công tác ở các cơ quan quản lý Nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, hoặc các cơ quan hành chính nhà nước.

- Nghiên cứu viên hoặc ở vị trí quản lý trong các viện nghiên cứu.

- Cán bộ chủ chốt trong các doanh nghiệp, các công ty, tập đoàn kinh doanh trong và ngoài nước.

- Khởi nghiệp kinh doanh độc lập.

- Giảng viên trong các trường đại học đào tạo về lĩnh vực kinh doanh và quản lý.

- Chuyên gia tư vấn về quản trị, kinh doanh trong các doanh nghiệp;

- Các vị trí công việc khác trong các doanh nghiệp;

- Tiếp tục làm nghiên cứu sinh về một mảng nghiên cứu cụ thể để đạt học vị tiến sĩ trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý;

#### 5. KHỐI LƯỢNG, CẤU TRÚC, NỘI DUNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA

5.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 60 tín chỉ

5.2. Cấu trúc chương trình

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ
1	<b>Kiến thức chung</b>	<b>10</b>
2	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>10</b>
2.1	Kiến thức bắt buộc	8
2.2	Kiến thức tự chọn	2
3	<b>Kiến thức chuyên ngành</b>	<b>25</b>
3.1	Kiến thức bắt buộc	17
3.2	Kiến thức tự chọn	8
4	<b>Thực tập và Luận văn tốt nghiệp</b>	<b>15</b>
4.1	Thực tập	5
4.2	Luận văn tốt nghiệp	10
	<b>Tổng cộng</b>	<b>60</b>

### 5.3. Nội dung chương trình

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
<b>I</b>		<b>KIẾN THỨC CHUNG (4 học phần)</b>	<b>10</b>	
1	SCB.03.01	Triết học nâng cao	4	Khoa cơ bản
2	STA.04.01	Tiếng Anh 1 chuyên ngành	2	Khoa Ngoại ngữ
3	STA.04.02	Tiếng Anh 2 chuyên ngành	2	Khoa Ngoại ngữ
4	SQK.02.01	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	2	Khoa QTKD
<b>II</b>		<b>KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH (05 học phần)</b>	<b>10</b>	
<b>2.1</b>		<b>HỌC PHẦN BẮT BUỘC (4 Học phần)</b>	<b>8</b>	
5	SCB.02.01	Kinh tế học quản lý	2	Khoa Cơ bản
6	SQK.01.01	Văn hóa và đạo đức kinh doanh	2	Khoa QTKD
7	SLKT.03.01	Pháp luật kinh tế nâng cao	2	Khoa Cơ bản
8	SKT.01.01	Nguyên lý kế toán nâng cao	2	Khoa KTKT
<b>2.2</b>		<b>HỌC PHẦN TỰ CHỌN (01 học phần)</b>	<b>2</b>	
		<i>Chọn 1 trong 3 học phần sau:</i>		
9	SQK.02.04	Quản trị thương hiệu nâng cao	2	Khoa QTKD
10	SQK.02.05	Hệ thống thông tin quản trị nâng cao	2	Khoa QTKD
11	SQK.02.13	Các lý thuyết quản trị hiện đại	2	Viện QTKD
<b>III</b>		<b>KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH (10 học phần)</b>	<b>25</b>	
<b>3.1</b>		<b>HỌC PHẦN BẮT BUỘC (7 học phần)</b>	<b>18</b>	
12	SQK.01.03	Quản trị Marketing nâng cao	2	Khoa QTKD
13	STN.01.02	Quản trị Ngân hàng thương mại nâng cao	3	Khoa TC-NH
14	SQK.02.02	Quản trị chiến lược nâng cao	3	Khoa QTKD
15	SQK.02.06	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao	3	Khoa QTKD
16	STN.02.03	Quản trị tài chính nâng cao	3	Khoa TC-NH
17	SQK.02.08	Quản trị đổi mới và sáng tạo	2	Khoa QTKD
18	SQK.02.09	Xây dựng năng lực lãnh đạo quản trị	2	Khoa QTKD
<b>3.2</b>		<b>HỌC PHẦN TỰ CHỌN (3 học phần)</b>	<b>7</b>	
		<i>Chọn 1 trong 2 học phần sau:</i>		
19	SQK.02.03	Quản trị dự án đầu tư nâng cao	3	Khoa QTKD
20	SQK.02.07	Quản trị doanh nghiệp thương mại nâng cao	3	Khoa QTKD
		<i>Chọn 2 trong 3 học phần sau:</i>		
21	SQK.02.10	Nghệ thuật đàm phán và xử lý xung đột	2	Khoa QTKD
22	SQK.02.11	Ra quyết định quản trị	2	Khoa QTKD
23	SQK.02.12	Chính sách và quản trị công ty	2	Khoa QTKD
<b>IV</b>		<b>Thực tập và Luận văn tốt nghiệp</b>		
24	SQK.01	Thực tập	5	Khoa QTKD

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
25	SQK.02	Luận văn tốt nghiệp	10	Khoa QTKD
		<b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ</b>	<b>60</b>	

(Có đề cương chi tiết các học phần kèm theo)

## 6. KẾ HOẠCH HỌC TẬP DỰ KIẾN PHÂN THEO HỌC KỲ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Phân chia theo học kỳ			
				HK I	HK II	HK III	HK IV
<b>I</b>		<b>KIẾN THỨC CHUNG (4 học phần)</b>	<b>10</b>				
1	SCB.03.01	Triết học nâng cao	4	x			
2	STA.04.01	Tiếng Anh 1 chuyên ngành	2	x			
3	STA.04.02	Tiếng Anh 2 chuyên ngành	2		x		
4	SQK.02.01	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	2	x			
<b>II</b>		<b>KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH (05 học phần)</b>	<b>10</b>				
<b>2.1</b>		<b>HỌC PHẦN BẮT BUỘC (4 Học phần)</b>	<b>8</b>				
5	SCB.02.01	Kinh tế học quản lý	2	x			
6	SQK.01.01	Văn hóa và đạo đức kinh doanh	2	x			
7	SLKT.03.01	Pháp luật kinh tế nâng cao	2		x		
8	SKT.01.01	Nguyên lý kế toán nâng cao	2	x			
<b>2.2</b>		<b>HỌC PHẦN TỰ CHỌN (01 học phần)</b>	<b>2</b>				
		<i>Chọn 1 trong 3 học phần sau:</i>					
9	SQK.02.04	Quản trị thương hiệu nâng cao	2		x		
10	SQK.02.05	Hệ thống thông tin quản trị nâng cao	2		x		
11	SQK.02.13	Các lý thuyết quản trị hiện đại	2		x		
<b>III</b>		<b>KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH (10 học phần)</b>	<b>25</b>				
<b>3.1</b>		<b>HỌC PHẦN BẮT BUỘC (7 học phần)</b>	<b>18</b>				
12	SQK.01.03	Quản trị Marketing nâng cao	2			x	
13	STN.01.02	Quản trị Ngân hàng thương mại nâng cao	3		x		
14	SQK.02.02	Quản trị chiến lược nâng cao	3			x	
15	SQK.02.06	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao	3			x	
16	STN.02.03	Quản trị tài chính nâng cao	3		x		
17	SQK.02.08	Quản trị đổi mới và sáng tạo	2			x	
18	SQK.02.09	Xây dựng năng lực lãnh đạo quản trị	2			x	
<b>3.2</b>		<b>HỌC PHẦN TỰ CHỌN (3 học phần)</b>	<b>7</b>				

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Phân chia theo học kỳ			
				HK I	HK II	HK III	HK IV
		<i>Chọn 1 trong 2 học phần sau:</i>					
19	SQK.02.03	Quản trị dự án đầu tư nâng cao	3			x	
20	SQK.02.07	Quản trị doanh nghiệp thương mại nâng cao	3			x	
		<i>Chọn 2 trong 3 học phần sau:</i>					
21	SQK.02.10	Nghệ thuật đàm phán và xử lý xung đột	2		x		
22	SQK.02.11	Ra quyết định quản trị	2		x		
23	SQK.02.12	Chính sách và quản trị công ty	2		x		
<b>IV</b>		<b>Thực tập và Luận văn tốt nghiệp</b>					
24	SQK.01	Thực tập	5				x
25	SQK.02	Luận văn tốt nghiệp	10				x
		<b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ</b>	<b>60</b>	<b>14</b>	<b>16</b>	<b>15</b>	<b>15</b>

## 7. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

### 7.1. Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp giảng dạy được lựa chọn gồm:

STT	Phương pháp dạy học
1	Phương pháp nghiên cứu trường hợp/tình huống ( <i>Case study</i> )
2	Dạy học theo dự án ( <i>Project-based learning</i> )
3	Phương pháp phát vấn (socratic method)
4	Phương pháp thuyết trình tích cực (active lecturing)
5	Phương pháp giải quyết vấn đề (Problem solving)
6	Thuyết giảng (Lecturing method)
7	Tổ chức học tập theo nhóm (Group-based learning)
8	Seminar (seminar)
9	Giảng dạy thông qua tham quan thực tế (Teaching through field-trips)
10	Hướng dẫn tự học

### 7.2. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập

#### 7.2.1 Các phương pháp đánh giá

a) Đánh giá chuyên cần (Tham gia học trên lớp; ý thức, thái độ, chất lượng tham gia các hoạt động học tập)



b) Đánh giá kiến thức, kỹ năng:

- 1) Vấn đáp: Theo câu hỏi, theo Bài tập lớn.
- 2) Viết: Tự luận, trắc nghiệm, bài tập lớn, tiểu luận, Luận văn tốt nghiệp.
- 3) Thực hành: Trên máy tính, thực tập tại doanh nghiệp

#### **7.2.2. Hình thức đánh giá kết quả học tập:**

- 1) Đánh giá thường xuyên
- 2) Đánh giá định kỳ
- 3) Đánh giá tổng kết: Kết thúc học phần, kết thúc khóa học.

### **8. CƠ SỞ VẬT CHẤT, CÔNG NGHỆ VÀ HỌC LIỆU PHỤC VỤ ĐÀO TẠO:**

#### **8.1 Cơ sở vật chất, công nghệ**

Sử dụng cơ sở vật chất, công nghệ (các giảng đường, phòng máy tính thực hành, internet) tại các cơ sở đào tạo của Nhà trường và cơ sở vật chất, kỹ thuật, công nghệ tại các đơn vị có hợp tác với Nhà trường.

#### **8.2 Học liệu**

Sử dụng học liệu tại Thư viện của Nhà trường và học liệu của các giảng viên cung cấp

### **9. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:**

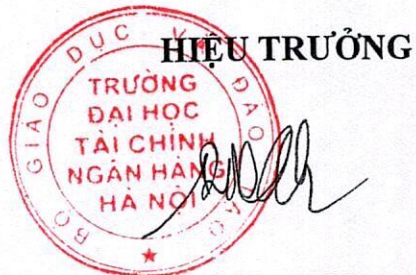
Người học được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các tiêu chuẩn quy định trong Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng Hà Nội ban hành theo quyết định số 246a/QĐ-ĐHTNH-QLĐT ngày 01/10/2016 của Hiệu trưởng Trường ĐH Tài chính - Ngân hàng Hà Nội.

### **10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

Chương trình thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học, ban hành theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp ban hành theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng Hà Nội ban hành theo quyết định số 246a/QĐ-

ĐHTNH-QLĐT ngày 01/10/2016 của Hiệu trưởng Trường ĐH Tài chính - Ngân hàng Hà Nội.

Chương trình này được định kỳ xem xét, hiệu chỉnh hai năm một lần nhằm đáp ứng sự phát triển của chuyên ngành, phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.



**PGS.TS Phạm Ngọc Ánh**